

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 323/2024/DS-PT
Ngày 25-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản và hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vương.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết;
Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 168/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng đặt cọc”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2023/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 212/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 282/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Kim T, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp I, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1984; địa chỉ liên hệ: số B, đường H, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/3/2023), có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969 và ông Nguyễn Mạnh T2, sinh năm 1967; cùng địa chỉ: ấp C, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1998 hoặc bà Vũ Thị T3, sinh năm 1998; cùng địa chỉ liên hệ: số B, đường G, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06/12/2023), bà H1 có mặt, bà T3 vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Vũ Kim T là bà Nguyễn Thị T1 và bị đơn ông Nguyễn Mạnh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Vũ Kim T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà T là bà Nguyễn Thị T1 thống nhất trình bày:*

Ngày 07/6/2021, ông T2 và bà H vay bà T số tiền 1.100.000.000 đồng, mục đích vay làm ăn, thời hạn vay 02 tháng, không thỏa thuận lãi suất, để tạo lòng tin vợ chồng bà H có giao cho bà T giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 122, tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Sau khi vay, bà H đã trả được 02 tháng tiền lãi với số tiền 40.000.000 đồng sau đó không trả nữa. Nay, bà T yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 1.100.000.000 đồng và trả lãi kể từ tháng 9/2021 đến nay, bà T có trách nhiệm trả lại cho bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 122, tờ bản đồ số 35. Ngoài ra ngày 07/5/2021, bà H còn nợ số tiền 462.000.000 đồng chưa có trả cho bà T. Bà T yêu cầu bà H, ông T2 trả số tiền 462.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 07/5/2021 cho đến nay.

Đối với yêu cầu trả lại số tiền cọc đất 200.000.000 đồng thì bà T xin rút yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, người đại diện theo hợp pháp của nguyên đơn trình bày sau khi khấu trừ tiền gốc, tiền lãi và hoàn cảnh của bị đơn hiện tại nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền là 1.400.000.000 đồng.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị H và người đại diện hợp pháp của bà H là bà Vũ Thị T3 thống nhất trình bày:*

Trước đây, bà H và ông T2 có nợ số tiền 3.100.000.000 đồng của bà T. Bà H có trả tiền gốc và tiền lãi là 6%/tháng cho bà T. Đến ngày 07/6/2021, các bên xác định còn nợ số tiền 1.100.000.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 638.000.000 đồng, tiền lãi là 462.000.000 đồng và các bên làm giấy cho mượn tiền mặt, bà H và ông T2 có ký, ghi họ tên, lấn tay vào giấy cho mượn tiền mặt. Đối với giấy nợ 462.000.000 đồng tiền lãi thì đây là số tiền đã cộng gộp vào số tiền 1.100.000.000 đồng.

Nay, bà T khởi kiện thì bà H thống nhất vợ chồng bà H chỉ nợ số tiền 1.100.000.000 đồng của bà T. Trường hợp bà T yêu cầu số tiền 1.300.000.000 đồng hoặc 1.400.000.000 đồng thì vợ chồng bà H đồng ý trả. Trường hợp không thỏa thuận được thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khấu trừ tiền lãi mà bị đơn đã đóng cho nguyên đơn để quyết định số tiền phải trả cho bị đơn.

- *Bị đơn ông Nguyễn Mạnh T2 trình bày:*

Thông nhất với lời trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2023/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” ngày 13/7/2021 được ký kết giữa nguyên đơn bà Vũ Kim T với bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Mạnh T2.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Kim T đối với bị đơn ông Nguyễn Mạnh T2 và bà Nguyễn Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Mạnh T2 và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Vũ Kim T số tiền 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/01/2024, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Vũ Kim T là bà Nguyễn Thị T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Mạnh T2 phải trả số tiền 1.963.000.000 đồng.

Ngày 05/01/2024, bị đơn ông Nguyễn Mạnh T2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị xem xét khấu trừ phần lãi suất đã trả vượt quá 6% vào nợ gốc.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Vũ Kim T là bà Nguyễn Thị T1 và người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Mạnh T2 xác định quyết định tại phần số 1 của bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà T và bị đơn ông T2 không kháng cáo. Đồng thời, các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Bị đơn ông Nguyễn Mạnh T2 và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Vũ Kim T tiền gốc và lãi với tổng số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Vũ Kim T là bà Nguyễn Thị T1 và bị đơn ông Nguyễn Mạnh T2 làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Vũ Kim T là bà Nguyễn Thị T1 và người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Mạnh T2 xác định quyết định tại phần số 1 của bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà T và bị đơn ông T2 không kháng cáo. Như vậy, đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm, đương sự không kháng cáo, Viện Kiểm sát không kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết trong phạm vi nội dung kháng cáo còn lại của nguyên đơn bà T và bị đơn ông T2.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Vũ Kim T là bà Nguyễn Thị T1 và người đại diện hợp pháp bị đơn ông Nguyễn Mạnh T2 và bà Nguyễn Thị H là bà Phạm Thị H1 đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: bị đơn ông Nguyễn Mạnh T2 và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Vũ Kim T tiền gốc và lãi với tổng số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

Xét thấy, thỏa thuận của các bên tại phiên tòa là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử một phần bản án sơ thẩm, công nhận thỏa thuận của các đương sự.

[4] Từ những phân tích trên, kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Vũ Kim T là bà Nguyễn Thị T1 và bị đơn ông Nguyễn Mạnh T2 là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147, Điều 148, Điều 300, Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Vũ Kim T và bị đơn ông Nguyễn Mạnh T2.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2023/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Bị đơn ông Nguyễn Mạnh T2 và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Vũ Kim T tiền gốc và lãi với tổng số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Mạnh T2 và bà Nguyễn Thị H phải liên đới nộp số tiền 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Vũ Kim T số tiền 39.018.000 đồng (ba mươi chín triệu không trăm mười tám nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005010 ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương.

3. Một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2023/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã phát sinh hiệu lực pháp luật như sau:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” ngày 13/7/2021 được ký kết giữa nguyên đơn bà Vũ Kim T với bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Mạnh T2.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Vũ Kim T và bị đơn ông Nguyễn Mạnh T2 mỗi người phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0003027 ngày 12 tháng 3 năm 2024 (do bà Nguyễn Thị T1 nộp thay) và số 0002993 ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hoàng Vương